TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HB **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Phin
Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1968; địa chỉ: Phố CH, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân A, sinh năm 1967; địa chỉ: Phố HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04-5-2018, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Bà Đỗ Thị Thu H và ông Bùi Xuân A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà H và ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Xét thấy, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà Đỗ Thị Thu H đề nghị Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Bùi Xuân A.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Thu H xác nhận có 01 con chung với ông Bùi Xuân A là Bùi Hoàng N, sinh ngày 19-4-1995 (đã quá 18 tuổi), nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Xuân A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông Bùi Xuân A vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Bùi Xuân A vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Bùi Xuân A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ hai để ông Bùi Xuân A có mặt tại phiên tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu H nhưng ông Bùi Xuân A vẫn vắng mặt không lý do. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, ông Bùi Xuân A có nơi cư trú tại Phố HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để ông Bùi Xuân A có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Thu H nhưng ông Bùi Xuân A vắng mặt không lý do. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ thể hiện, ông Bùi Xuân A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phố HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng và vẫn đang thường xuyên sinh sống tại địa chỉ này. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Bùi Xuân A đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng ông Bùi Xuân A vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Bùi Xuân A.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, giấy khai sinh của con chung và các tài liệu chứng cứ khác được Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Thấy có đủ cơ sở để xác định, bà Đỗ Thị Thu H và ông Bùi Xuân A có quan hệ tình cảm với nhau và chung sống cùng nhau từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay, bà Đỗ Thị Thu H đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Bùi Xuân A để ổn định cuộc sống riêng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hai bên. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy khai sinh số: 126, Quyển số: 09, đăng ký ngày 02-11-1995 của Ủy ban nhân dân phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Thấy có đủ cơ sở xác định, bà Đỗ Thị Thu H và ông Bùi Xuân A có 01 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 19-4-1995. Do anh N đã quá 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bà Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của UBTV Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Bùi Xuân N.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 19-4-1995 đã quá 18 tuổi. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007821 ngày 10-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HB. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận HB;
- Chi cục THA dân sự quận HB;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Hải **Nguyễn Xuân Tuất** **Nguyễn Thái Thuận**